

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ GIÁ RAI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 24-7-2019
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ GIÁ RAI, TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Mỹ Nhi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Nhạn.

Bà Cao Thị Mỹ Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Hải là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 302/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Đ, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Bị đơn: Ông Phan Văn K, sinh năm 1966 (Vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp B, xã A, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/6/2019 cùng các văn bản khác kèm theo, bà Đ trình bày: Vào năm 1989 bà với ông K kết hôn nhưng không có đăng ký kết hôn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng ý kiến, thường xuyên cãi vã dẫn đến việc vợ chồng không quan tâm lẫn nhau. Vợ chồng tự hàn gắn nhiều lần nhưng không thành, bà và ông K không còn sống chung vào khoảng năm 2017 cho đến nay. Xét cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông Phan Văn K.

Về con chung: Có 02 người tên là Phan Văn T, sinh năm 1990 và Phan Thị Ph, sinh năm 1993. Các con chung đã trưởng thành tự lao động sinh sống nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 04/7/2019 của ông Phan Văn K và biên bản hòa giải ngày 08/7/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, ông Phan Văn K thống nhất với lời trình bày của bà Đ. Trong cuộc sống chung của vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc và cũng không thể hàn gắn được nên ông và bà Đ hiện tại không còn sống chung. Do đó, ông cũng đồng ý ly hôn với bà Bùi Thị Đ.

Về con chung: Đúng như bà Đ trình bày, hiện con chung đã trưởng thành và tự lao động sinh sống nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Bùi Thị Đ và ông Phan Văn K đều xác định tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Bùi Thị Đ khởi kiện ông Phan Văn K về ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Đồng thời, bà Đ và ông K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà Đ và ông K theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân, bà Đ và ông K kết hôn nhưng không có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên hôn nhân giữa bà Bùi Thị Đ và Phan Văn K không được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Từ đó, không công nhận bà Bùi Thị Đ và Phan Văn K là vợ chồng theo quy định tại các điều 9, 14 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, có 02 người tên là Phan Văn T, sinh năm 1990 và Phan Thị Ph, sinh năm 1993. Bà Đ và ông K đều xác định các con chung đã trưởng thành tự lao động sinh sống không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Bà Đ và ông K đều xác định tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đ phải theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 9, 14 của Luật hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Bùi Thị Đ và ông Phan Văn K là vợ chồng.

2. Về con chung, có 02 người tên là Phan Văn T, sinh năm 1990 và Phan Thị Ph, sinh năm 1993 đã trưởng thành tự lao động sinh sống nên không đặt ra xem xét.

3. Tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Bùi Thị Đ chịu 300.000 đồng. Bà Bùi Thị Đ nộp tạm ứng 300.000 đồng tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0012985, ngày 14/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, nay chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thị xã Giá Rai;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Mỹ Nhi